

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT**  
**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018**

---

**Tháng 03 năm 2019**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH	3 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH	11

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT

Tầng 6, số 79 Lý Thường Kiệt, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã được kiểm toán của Công ty tại ngày 31/12/2018.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Hồ Bửu Phương	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 30/03/2018)
Ông Võ Tấn Hoàng Văn	Thành viên (Miễn nhiệm 30/03/2018)
Ông Nguyễn Tiến Thành	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 30/03/2018)
Ông Nguyễn Việt Cường	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 30/03/2018)
Ông Lê Thanh Tùng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 30/03/2018)
Ông Trần Việt Đức	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 30/03/2018)

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Tiến Thành	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Bùi Thị Thanh Hiền	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 11/01/2019)
Ông Tạ Minh Phương	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 11/01/2019)

*Người đại diện theo pháp luật*

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Tiến Thành - Tổng Giám đốc Công ty (Bổ nhiệm ngày 15/01/2016).

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Trong việc lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc cam đoan:

- (1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo và được lập theo đúng các quy định tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính;
- (2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- (3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Tiến Thành  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2019

Số: 158 /VACO/BCKiT.NV2

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28/03/2019, từ trang 03 đến trang 11. Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo được lập tuân thủ Thông tư số 87/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chi tiêu an toàn tài chính. Các báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty theo các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, phù hợp với Thông tư số 87/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chi tiêu an toàn tài chính.



**Lê Xuân Thăng**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0043-2016-156-1

**Thay mặt và đại diện cho**  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2019

Văn phòng Hồ Chí Minh  
Lầu 6, tòa nhà HUD, số 159 Điện Biên Phủ  
P.15, Q. Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh  
Tel: (84-28) 3840 6618  
Fax: (84-28) 3840 6616

Văn phòng Đồng Nai  
Số 79 đường Hà Huy Giáp, P. Quyết Thắng,  
Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai  
Tel: (84-251) 382 8560  
Fax: (84-251) 382 8560

Văn phòng Hải Phòng  
499 Quán Toan, P. Quán Toan  
Q. Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng  
Tel: (84-225) 353 4655  
Fax: (84-225) 353 4316

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2019

V/v: Báo cáo chỉ tiêu an toàn tài chính

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**  
Tại thời điểm ngày 31/12/2018

Chúng tôi cam đoan rằng:

1. Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo và được lập theo đúng các quy định tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính;
2. Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
3. Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

Kế toán trưởng

Trưởng bộ phận Kiểm soát nội bộ

Tổng Giám đốc



Bùi Thị Thanh Hiền

Phạm Mai Chi

Nguyễn Tiến Thành

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

**I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG**

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		VKD	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
A	Nguồn vốn	(1)	(2)	(3)
1	Vốn chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	1.080.000.000.000	-	-
2	Thặng dư vốn cổ phần không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	-	-	-
3	Cổ phiếu quỹ	-	-	-
4	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu - Cấu phần vốn	-	-	-
5	Vốn khác của chủ sở hữu	-	-	-
6	Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	-	-	-
7	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	2.155.826.845	-	-
8	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	11.155.826.845	-	-
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-
10	Lợi nhuận chưa phân phối	103.125.039.037	-	-
11	Số dư dự phòng suy giảm giá trị tài sản	96.007.979	-	-
12	Chênh lệch đánh giá lại tài sản cố định	-	-	-
13	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-
14	Các khoản nợ có thể chuyển đổi	-	-	-
15	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chi tiêu đầu tư tài chính	-	-	-
16	Vốn khác (nếu có)	-	-	-
<b>1A</b>	<b>TỔNG</b>			<b>1.196.532.700.706</b>

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

**I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG**

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		VKD	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
<b>B</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>			
<b>I</b>	<b>Tài sản tài chính</b>		<b>1.791.464.039</b>	
1	Tiền và các khoản tương đương tiền			
2	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) - Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường - Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng			
3	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) - Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường - Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng			
4	Các khoản cho vay			
5	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) - Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường - Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng			
6	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp			
7	Các khoản phải thu (Phải thu bán các tài sản tài chính; Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính) - Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống - Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		<b>582.136.986</b>	
8	Chứng quyền có bảo đảm chưa phát hành hết	-	-	-
9	Chứng khoán cơ sở phục vụ mục đích phòng ngừa rủi ro khi phát hành chứng quyền có bảo đảm			
10	Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp - Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống - Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	-	-
11	Phải thu nội bộ - Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống - Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	-	-
12	Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán - Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống - Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	-	-
13	Các khoản phải thu khác - Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống - Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	<b>1.209.327.053</b>	-
14	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu			
<b>II</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>3.722.224.934</b>	
1	Tạm ứng - Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống - Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày	-	<b>262.097.714</b>	-
2	Vật tư văn phòng, công cụ dụng cụ	-	-	-
3	Chi phí trả trước ngắn hạn	-	<b>3.439.682.975</b>	-
4	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-	-
5	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	-	<b>20.444.245</b>	-
6	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	-	-	-
7	Tài sản ngắn hạn khác	-	-	-
8	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác	-	-	-
<b>1B</b>	<b>TỔNG</b>			<b>5.513.688.973</b>

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

**I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG**

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		VKD	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
<b>C</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>			
<b>I</b>	<b>Tài sản tài chính dài hạn</b>	-	-	-
1	Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
2	Các khoản đầu tư	-	-	-
	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-
2.1	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường	-	-	-
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng	-	-	-
2.2	Đầu tư vào công ty con	-	-	-
2.3	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	-	-	-
2.4	Đầu tư dài hạn khác	-	-	-
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định</b>	-	<b>6.944.124.646</b>	-
<b>III</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	-	-	-
<b>IV</b>	<b>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	-	-	-
<b>V</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	-	<b>19.704.261.160</b>	-
1	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	-	1.849.058.302	-
2	Chi phí trả trước dài hạn	-	-	-
3	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	-	666.772.436	-
4	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	-	17.188.430.422	-
5	Tài sản dài hạn khác	-	-	-
<b>VI</b>	<b>Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn</b>	-	-	-
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ, có ý kiến trái ngược hoặc từ chối đưa ra ý kiến tại báo cáo tài chính đã được kiểm toán, soát xét mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5	-	-	-
<b>1C</b>	<b>TỔNG</b>			<b>26.648.385.806</b>
<b>D</b>	<b>Các khoản ký quỹ, đảm bảo</b>			
1	Giá trị ký quỹ	-	-	-
1.1	Giá trị đóng góp vào quỹ hỗ trợ thanh toán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán (đối với thị trường chứng khoán phái sinh)	-	-	-
1.2	Giá trị đóng góp vào quỹ bù trừ của đối tác thanh toán trung tâm đối với vị thế mở của chính thành viên bù trừ (đối với thị trường chứng khoán phái sinh)	-	-	-
1.3	Khoản ký quỹ bằng tiền và giá trị bảo lãnh thanh toán của ngân hàng khi phát hành chứng quyền có bảo đảm	-	-	-
2	Giá trị tài sản bảo đảm cho các nghĩa vụ phải trả có thời hạn còn lại trên 90 ngày	-	-	-
<b>1D</b>	<b>Tổng</b>			
	<b>VỐN KHẢ DỤNG = 1A-1B-1C-1D</b>			<b>1.164.370.625.927</b>



Nguyễn Tiến Thành  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2019

Bùi Thị Thanh Hiền  
Kế toán trưởng

Phí Thị Bích Ngọc  
Người lập biểu



**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

**II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO**

<b>A. RỦI RO THỊ TRƯỜNG</b>				
Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro	Quy mô	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3)= (1)x(2)
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ</b>				
1.	Tiền mặt (VND)	0%	114.325.402.821	-
2.	Các khoản tương đương tiền	0%	300.000.000.000	-
3.	Giấy tờ có giá trên thị trường tiền tệ	0%	54.000.000.000	-
<b>II. Trái phiếu chính phủ</b>				
4.	Trái phiếu chính phủ không trả lãi	0%	-	-
5.	Trái phiếu chính phủ trả lãi suất cố định			
5.1	Trái phiếu chính phủ, trái phiếu chính phủ các nước thuộc khối CECD hoặc được bảo lãnh bởi chính phủ hoặc ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, IADC, AFDB, EIB và EBRD	3%	-	-
<b>III. Trái phiếu doanh nghiệp</b>				
6.	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8%	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 tới dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10%	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 3 tới dưới 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%	-	-
7.	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 tới dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%	149.785.626.703	44.935.688.011
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 3 tới dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	35%	146.782.791.010	51.373.976.853
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40%	-	-

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

**II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO**

<b>A. RỦI RO THỊ TRƯỜNG</b>			
Các hạng mục đầu tư	Hệ số rủi ro	Quy mô	Giá trị rủi ro
	(1)	(2)	(3)= (1)x(2)
<b>IV. Cổ phiếu</b>			
8. Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ mở	10%	26.349.118.310	2.634.911.831
9. Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	15%	14.927.466.400	2.239.119.960
10. Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20%	4.490.814.060	898.162.812
11. Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30%	-	-
12. Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50%	2.594.354.362	1.297.177.181
<b>V. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán</b>			
13. Quỹ đại chúng	10%	-	-
14. Quỹ thành viên	30%	-	-
<b>VI. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch</b>			
15. Chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ năm trở đi	40%	-	-
16. Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	50%	-	-
<b>VII. Chứng khoán phái sinh</b>			
17. Hợp đồng tương lai chỉ số cổ phiếu			
18. Hợp đồng tương lai trái phiếu chính phủ			
<b>VIII. Chứng khoán khác</b>			
19. Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80%	-	-
20. Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài thuộc chỉ số đạt chuẩn			
21. Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài không thuộc các chỉ số đạt chuẩn			
22. Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh			
23. Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội			
24. Chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán phát hành			
25. Chứng khoán hình thành từ hoạt động phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán đã phát hành (trường hợp chứng quyền có bảo đảm không có lãi)			
26. Phần chênh lệch giữa giá trị chứng khoán cơ sở dùng để phòng ngừa rủi ro và giá trị chứng khoán cơ sở cần thiết để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm			
<b>IX. Rủi ro tăng thêm (nếu có)</b>			
Chi tiết tới từng mã chứng khoán	Mức tăng thêm	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1. Trái phiếu SSG	10%	44.935.688.011	4.493.568.801
2. Trái phiếu ADC	10%	51.373.976.853	5.137.397.685
<b>A. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (A= I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII+IX)</b>			<b>113.010.003.135</b>

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

**II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO**

<b>B. RỦI RO THANH TOÁN</b>							
Loại hình giao dịch	Giá trị rủi ro						Tổng giá trị rủi ro
	0	0,8	3,2	4,8	6	8	
	%	%	%	%	%	%	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
1. Tiền gửi có kỳ hạn, các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm, các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán và các khoản mục tiềm ẩn rủi ro thanh toán khác	-	-	-	-	21.240.000.000	-	21.240.000.000
2. Cho vay tài sản tài chính/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
3. Vay tài sản tài chính/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
4. Hợp đồng mua tài sản tài chính có cam kết bán lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
5. Hợp đồng bán tài sản tài chính có cam kết mua lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
<b>I. Rủi ro trước thời hạn thanh toán</b>							<b>21.240.000.000</b>
Thời gian quá hạn	Hệ số rủi ro			Quy mô rủi ro		Giá trị rủi ro	
1. 0 - 15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16%					-	
2. 16 - 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32%					-	
3. 31 - 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	48%					-	
4. Từ 60 ngày trở lên	100%			85.611.979		85.611.979	
<b>II. Rủi ro quá thời hạn thanh toán</b>							<b>85.611.979</b>
Chi tiết tới từng khoản vay, tới từng đối tác				Quy mô rủi ro		Giá trị rủi ro	
1. ....							
<b>III. Rủi ro tăng thêm (nếu có)</b>							
Chi tiết tới từng mã chứng khoán	Mức tăng thêm			Quy mô rủi ro		Giá trị rủi ro	
1. Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn	30%			18.000.000.000		5.400.000.000	
<b>B. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (B=I+II+III)</b>							<b>26.725.611.979</b>
<b>C. RỦI RO HOẠT ĐỘNG (TÍNH TRONG VÒNG 12 THÁNG)</b>							
<b>I. Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng</b>							<b>252.346.933.145</b>
<b>II. Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí</b>							<b>3.812.467.208</b>
1. Chi phí khấu hao							3.812.467.208
2. Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp							-
3. Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính dài hạn							-
4. Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu							-
5. Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác							-
6. Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn							-
<b>III. Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I - II)</b>							<b>248.534.465.937</b>
<b>IV. 25% tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV = 25% III)</b>							<b>62.133.616.484</b>
<b>V. 20% vốn pháp định của tổ chức kinh doanh chứng khoán</b>							<b>60.000.000.000</b>
<b>C. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C=Max {IV, V})</b>							<b>62.133.616.484</b>
<b>D. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO (A+B+C)</b>							<b>201.869.231.598</b>

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018


Đơn vị: VND


**III. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG**

STT	Các chỉ tiêu	Giá trị rủi ro/vốn khả dụng
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	113.010.003.135
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	26.725.611.979
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	62.133.616.484
4	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)	201.869.231.598
5	Vốn khả dụng	1.164.370.625.927
6	Tỷ lệ vốn khả dụng (6=5/4)	576,79



Nguyễn Tiến Thành  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2019

  
Bùi Thị Thanh Hiền  
Kế toán trưởng

  
Phí Thị Bích Ngọc  
Người lập biểu

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính*

### **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt (“Công ty”) được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20/12/2006; Giấy phép thành lập và hoạt động số 40/UBCK-GPHĐKD ngày 28/12/2006, và các Giấy phép điều chỉnh do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Vốn điều lệ của Công ty là 1.080.000.000.000 VND.

Công ty có trụ sở chính tại: Tầng 6, số 79 Lý Thường Kiệt, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. Tại ngày 31/12/2018, Công ty có 11 chi nhánh và phòng giao dịch tại nhiều tỉnh thành trên cả nước.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2018 là 262 người (tại ngày 01/01/2018 là 204 người).

#### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Tư vấn tài chính;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

### **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

#### **Cơ sở lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính**

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) và được lập tuân thủ theo Thông tư số 87/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chi tiêu an toàn tài chính.



Nguyễn Tiến Thành  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2019

Bùi Thị Thanh Hiền  
Kế toán trưởng

Phí Thị Bích Ngọc  
Người lập biểu